

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2023/HSPT

Ngày 16 - 3 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Thanh Huyền.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Đức; bà Đinh Thị Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 21/2023/TLPT-HS ngày 02/02/2023 đối với các bị cáo Hồ Văn Anh T và 03 bị cáo về tội “Cướp tài sản”, “Bắt, giữ người trái pháp luật”, “Đánh bạc” do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 367/2022/HSST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***\* Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Hồ Văn Anh T**, sinh năm 1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: tổ dân phố 8, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Bích T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: tại Bản án số 166/2016/HSST ngày 15/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Ngày 14/9/2019 bị cáo có hành vi chống người thi hành công vụ. Vụ án đang được điều tra.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2021 đến ngày 24/11/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có đơn rút kháng cáo và vắng mặt tại phiên tòa.

**2. Hoàng Nguyên T1**, sinh năm 2000 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Trọng H và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm

giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2021 đến ngày 21/11/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Lữ Duy Trọng T2**, sinh năm 2002 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 73/8 Ama Khê, phường Tân Lập, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: phụ xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lữ Duy D và bà Lê Thị Thu N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2022 đến ngày 21/11/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Trần Thanh D**, sinh năm 1999 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn 4, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Trần Quang T và bà Trần Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Đức P, Bùi Lộc H nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/8/2021 Trần Thanh D sử dụng điện thoại di động Iphone 5SE nhắn tin thông qua ứng dụng Telegram với Nguyễn Đức P để đánh bạc thắng thua bằng tiền, hình thức số lô đề. Tin nhắn 1 “10X100.40X100.10.40 đá 50.02.17 đá 20.02.65 đá 20.17.65 đá 20”; tin nhắn 2 “ 85.39 đá 10”, tương ứng với số tiền 9.240.000 đồng. Sau khi nhận được tin nhắn, P nhắn lại “OK”. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi kiểm tra đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc (tỉnh Nam Định), D thắng bạc, trúng bao lô số 10, 40 tương ứng với số tiền 14.400.000 đồng, trúng cặp số 10.40 tương ứng số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền D và P đánh bạc 53.640.000 đồng.

Khoảng 23 giờ ngày 14/8/2021 Nguyễn Đức P sử dụng điện thoại di động nhắn tin qua ứng dụng Facebook với Hoàng Nguyên T1 về việc đánh đề bị thua D, gửi các hình ảnh chụp tin nhắn đánh bạc cho T1 xem. T1 thấy trong cuối nội dung tin nhắn ứng dụng Telegram có hiện dòng chữ Edited nên nói với P là tin nhắn đã bị chỉnh sửa. P cho rằng D cố ý chỉnh sửa các lô số đề để chiếm đoạt tiền của P nên P và T1 bàn bạc, thống nhất với nhau sáng hôm sau, tức là ngày 15/8/2021 P sẽ hẹn D đến lấy tiền thắng lô đề rồi đe dọa, dùng vũ lực buộc D phải trả lại tiền thắng bạc. P tiếp tục sử dụng Facebook nhắn tin, gọi điện cho Hồ Văn Anh T, Bùi Lộc H về sự việc trên, đồng thời bàn bạc với Anh T, H sẽ đe dọa, ép buộc D phải đưa tiền đã thắng bạc. P tiếp tục sử dụng Facebook liên lạc với Ngô Văn D1, nói việc P bị người khác sửa tin nhắn đánh đề trên Telegram và hỏi D1 có biết hình thức sửa số này không thì D1 nhắn lại là không rõ, hẹn ngày mai xuống nhà D1 uống cà phê nói chuyện.

Khoảng 08 giờ ngày 15/8/2021 Trần Thanh D điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 47T1-240.87 đến Chợ Đầu Mối phường Tân H gặp Nguyễn Đức P để lấy tiền thắng bạc. Tại đây P sử dụng Facebook gọi cho D1 hỏi mượn nhà để đưa bạn đến nói chuyện, D1 đồng ý. P điều khiển xe ô tô hiệu Peugeot, biển số 47A-419.73, D điều khiển xe mô tô biển số 47T1-240.87 cùng đi đến nhà D1. D1 mở cửa cho P và D đi vào. Sau đó Hồ Văn Anh T, Bùi Lộc H và Hoàng Nguyên T1 lần lượt đi đến, tất cả tập trung tại phòng khách nhà D1. P đi ra chốt cửa phòng khách lại, nói chuyện với D về việc chỉnh sửa các số lô đề để lấy lại 300.000.000 đồng mà P đã thua D trước đó và buộc D phải trả lại tiền nhưng D không thừa nhận và không đồng ý trả lại tiền. D1 đứng cạnh P, chỉ vào hình ảnh các tin nhắn trên điện thoại của P và nói “tin nhắn có chữ Edited này là bị chỉnh sửa rồi nè”. D vẫn không thừa nhận nên P, Anh T, T1, H tiếp tục cùng nhau ép buộc, đe dọa D phải thừa nhận nội dung đã chỉnh sửa tin nhắn. P lấy 01 thanh kiếm bằng kim loại, dài 79,4 cm treo trên tường trong phòng khách, xông vào chém 01 cái vào cẳng chân trái của D làm rách quần, trượt xuống nền gạch nên bị gãy. P tiếp tục chạy ra ô tô của P lấy 01 thanh kiếm bằng kim loại, dài 103 cm định chém D thì D1 và Anh T can ngăn. Anh T, H, T1 vẫn đứng vây quanh D và đe dọa buộc D phải đưa tiền cho P. P yêu cầu D gọi điện thoại cho người thân mang tiền đến. D sử dụng điện thoại Iphone 12 Promax của D gọi cho Vũ Hữu Văn (bạn D) đến nói chuyện với P. P yêu cầu D đưa điện thoại cho P xem, P phát hiện trong tài khoản của D có 50.000.000 đồng nên đe dọa, ép buộc D phải chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng có tên Lữ Duy Trọng T2. Do bị bắt giữ, dùng hung khí đánh, đe dọa liên tục nên D hoảng sợ, buộc phải sử dụng ứng dụng Smartbanking trên điện thoại chuyển số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản 0231000688227 Vietcombank của D vào tài khoản 19035793965019 của Lữ Duy Trọng T2. P gọi điện thoại cho Trọng T2 để xác nhận và nói Trọng T2 rút số tiền trên mang đến nhà D1 cho P. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Vũ Hữu Văn đến và nói chuyện với D khoảng 10 phút thì nhờ D1 chở về. P, Anh T, T1, H tiếp tục khống chế, đe dọa D, chờ người thân của D mang tiền đến. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Trọng T2 đi rút tiền và mang đến cho P. Đến nơi, Trọng T2 thấy D đang bị giữ thì biết là D nợ tiền của P nên Trọng T2 ở lại tham gia giúp P lấy tài sản của D. Đến 14 giờ cùng ngày, D1 về nhà, mở cửa cổng đi ra phía sau nhà. D thấy cổng mở nên bỏ chạy ra đường, P, Anh T chạy đuổi theo, H điều khiển xe chở Trọng T2 chạy đường vòng để chặn bắt, T1 điều khiển xe ô tô của P chạy đuổi theo. Sau khi đuổi kịp và bắt, giữ được D, các bị cáo đưa D quay lại nhà D1. D1 đứng trước cổng nhà, nói đưa đi nơi khác không cho ở lại. T1 điều khiển xe ô tô biển số 47A-419.73 (của P), Anh T và P ngồi ghế sau giữ D; H điều khiển xe mô tô biển số 47T1-240.87 (của D), Trọng T2 điều khiển xe mô tô biển số 47B2-492.80, D1 điều khiển xe ô tô (không xác định biển số) đi đến bờ đập nối giữa phường Tân H và xã H, thành phố B. Tại đây, D bị giữ trên xe ô tô, P, Anh T, T1, Trọng T2, H đứng cạnh

xe ô tô thông nhất việc không chế, ép buộc D đi cầm cố tài sản của D để lấy tiền. Các bị cáo đưa D đến tiệm cầm đồ để cầm cố tài sản, D1 không đi cùng mà điều khiển xe ô tô đi về. Tại Tiệm cầm đồ 79 Cara thuộc tổ dân phố 2, phường Tân H, thành phố B, các bị cáo ép buộc D phải cầm cố điện thoại di động Iphone 12 Promax và 01 dây chuyền vàng được 30.000.000 đồng (20.000.000 đồng tiền mặt và 10.000.000 đồng chuyển khoản). Khi Trọng T2 rút tiền tại thẻ ATM của D, thấy trong tài khoản có 15.000.000 đồng nên gọi điện báo lại cho P biết, P nói rút hết số tiền trên của D. Tại Tiệm cầm đồ 379 địa chỉ 03 G, phường T, thành phố B, các bị cáo ép buộc D phải thế chấp xe mô tô biển số 47T1-240.87 được 21.500.000 đồng. Tổng số tiền P chiếm đoạt của D 106.500.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, P đưa cho D 500.000 đồng để đi taxi, chia cho Anh T 4.000.000 đồng, H 1.500.000 đồng, T1 1.000.000 đồng, Trọng T2 500.000 đồng.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 367/2022/HSST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (thêm điểm b khoản 1 Điều 51 đối với tội “Cướp tài sản”) Bộ luật Hình sự, xử phạt Hồ Văn Anh T 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 08 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Nguyên T1 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lữ Duy Trọng T2 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 07 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 năm 07 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thanh D 03 năm tù về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức P, Bùi Lộc H, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí theo quy định.

Ngày 09/01/2023, 10/01/2023 bị cáo Lữ Duy Trọng T2, Hồ Văn Anh T, Hoàng Nguyên T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 09/3/2023, bị cáo Hồ Văn Anh T có văn bản rút đơn kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai

của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Bản án sơ thẩm xử phạt và tổng hợp hình phạt 7 năm 9 tháng tù đối với bị cáo Hoàng Nguyên T1 và 7 năm 7 tháng tù đối với bị cáo Lữ Duy Trọng T2 về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của BLHS và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của BLHS là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Khi quyết định hình phạt Bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lữ Duy Trọng T2 đã bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng và được bị hại có đơn xin tiếp tục giảm nhẹ. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS, cần áp dụng bổ sung cho bị cáo Trọng T2. Tuy nhiên, mức hình phạt trên là phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1 và bị cáo Lữ Duy Trọng T2, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm.

Xét mức hình phạt 03 năm tù về tội “Đánh bạc” mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo D là thỏa đáng. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự chuyển hình phạt tù sang án treo bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh D chuyển 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo kèm thời gian thử thách cho bị cáo D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 14/8/2021 bị cáo Trần Thanh D, Nguyễn Đức P sử dụng ứng dụng Telegram nhắn tin đánh bạc ghi số đề, thắng thua bằng tiền, tổng số tiền đánh bạc 53.640.000 đồng.

Ngày 15/8/2021 các bị cáo Nguyễn Đức P, Hồ Văn Anh T, Hoàng Nguyên T1, Bùi Lộc H, Lữ Duy Trọng T2 đã dùng vũ lực, khống chế, bắt giữ Trần Thanh D tại nhà của Ngô Văn D1 thuộc thôn 1, xã Ea Tu và tại khu vực bờ đập nối giữa phường Tân H và xã H, buộc D phải chuyển khoản 50.000.000 đồng; cầm cố 01 điện thoại di động, 01 dây chuyền, 01 xe mô tô. Tổng số tiền chiếm đoạt 106.500.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thanh D về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và xét xử các bị cáo Hồ Văn Anh T, Hoàng Nguyễn T1, Lữ Duy Trọng T2 về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Nguyên T1, Lữ Duy Trọng T2, HĐXX thấy:

Mức hình phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 năm 09 tháng tù mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Hoàng Nguyên T1 và mức hình phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 07 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 năm 07 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với Lữ Duy Trọng T2 là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra. Khi quyết định hình phạt Bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng, đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS), quá trình điều tra bị cáo T1 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trọng T2 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1 cần áp dụng thêm cho bị cáo Trọng T2, được bị hại bãi nại xin tiếp tục giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo T1 gia đình có công với Nước có ông Ngoại được tặng thưởng huân huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo mà cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo T1 và bị cáo Trọng T2.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thanh D, HĐXX thấy: Mức hình phạt 03 năm tù về tội “Đánh bạc” mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo D là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi do bị cáo gây ra nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo, thấy rằng: số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc là 53.640.000 đồng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú phối hợp với gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo

của bị cáo D; áp dụng thêm Điều 65 của BLHS chuyển hình phạt tù sang án treo kèm thời gian thử thách cho bị cáo D.

Từ những phân tích, nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Nguyên T1, Lữ Duy Trọng T2 giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo T1, Trọng T2. Chấp một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh D; Sửa bản án số 367/2022/HSST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như đã nêu trên.

[4]. Đối với bị cáo Hồ Văn Anh T: sau khi kháng cáo, bị cáo rút đơn kháng cáo, việc rút đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

[5]. Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Hoàng Nguyên T1, Lữ Duy Trọng T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Riêng bị cáo Trần Thanh D được chấp nhận 01 phần kháng cáo nên không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 342; 348; điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hồ Văn Anh T. Bản án hình sự sơ thẩm số 367/2022/HSST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Hồ Văn Anh T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Nguyên T1, Lữ Duy Trọng T2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 367/2022/HSST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Nguyên T1, Lữ Duy Trọng T2.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Hoàng Nguyên T1** 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của BLHS. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giữ từ ngày 30/9/2021 đến ngày 21/11/2022.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Lữ Duy Trọng T2** 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 07 (bảy) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của BLHS. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 (bảy) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giữ từ ngày 01/3/2022 đến ngày 21/11/2022.

[3] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh D; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 367/2022/HSST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Trần Thanh D.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trần Thanh D** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thanh D cho Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

T1 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. T1 hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về án án phí phúc thẩm: Các bị cáo Hoàng Nguyên T1, Lữ Duy Trọng T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Hồ Văn Anh T, Trần Thanh D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP.Buôn Ma Thuột;
- Công an TP.Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP.Buôn Ma Thuột;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**



- Sở Tư pháp;
- CQTHA hình sự TP.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Thanh Huyền**